

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2015**



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- ❖ Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH
- ❖ Tên gọi viết tắt bằng tiếng việt: Công ty Chứng khoán Bảo Minh
- ❖ Tên giao dịch viết tắt bằng tiếng anh: BAO MINH SECURITIES COMPANY
- ❖ Tên viết tắt: BMSC
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 3, Tòa nhà PaxSky, số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
- ❖ Điện thoại: 08. 7306 8686 Fax: 08. 3824 7436
- ❖ Email: [info@bmsc.com.vn](mailto:info@bmsc.com.vn)
- ❖ Website: [www.bmsc.com.vn](http://www.bmsc.com.vn)
- ❖ Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/04/2008.
- ❖ Ngành nghề được cấp phép:
  - + Môi giới chứng khoán
  - + Tự doanh chứng khoán
  - + Lưu ký chứng khoán
  - + Tư vấn đầu tư chứng khoán
  - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- ❖ Mã số thuế: 0102727651
- ❖ Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2015): **300.000.000.000 đồng** (Ba trăm tỷ đồng chẵn)

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (BMSC) – Thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép thành lập và hoạt

động số 90/UBCK-GP ngày 21/04/2008 với vốn điều lệ 300 tỷ đồng. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hội nhập toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt thị trường tài chính, một trong những lĩnh vực đóng vai trò quan trọng nhất của tiến trình hội nhập. BMSC ra đời góp một vị trí cho bức tranh tổng quát trên.

Ngày 31/12/2010: Thực hiện chủ trương của HĐQT về định hướng phát triển lâu dài và toàn diện, Công ty đã chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Được sáng lập và điều hành bởi những chuyên gia dày dặn kinh nghiệm, BMSC đã và đang tạo lập được uy tín và vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam. BMSC hi vọng mang lại nhiều lợi ích hơn cho cổ đông, khách hàng và đang hướng tầm nhìn chiến lược dài hạn đến mô hình ngân hàng đầu tư hiện đại và năng động.

Thông qua tiềm lực tài chính dồi dào, cơ sở vật chất khang trang, hệ thống công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và được đào tạo trong và ngoài nước, chúng tôi cam kết mang lại những lợi ích thiết thực cho khách hàng và trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy cho sự thành công của khách hàng đúng như phương châm của BMSC ***“Công nghệ hiện đại, tài chính vững bền”***

### ***3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh***

#### ***A. Ngành nghề kinh doanh***

Bên cạnh việc được thực hiện tất cả các dịch vụ về Chứng khoán do UBCK Nhà nước quy định, BMSC còn hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng chiến lược huy động vốn, xây dựng cấu trúc vốn tối ưu dựa trên các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, xác định và lựa chọn các công cụ tài chính hiệu quả, nhằm tối thiểu hóa rủi ro cho cổ đông và tối đa hóa khả năng thành công trên thị trường. Những giải pháp tài chính còn đảm bảo cho các doanh nghiệp có thể linh hoạt thực hiện chiến lược tăng trưởng phù hợp với mức độ rủi ro tài chính của Công ty.

BMSC sẽ đảm nhận vai trò là một đối tác tin cậy, cung cấp kế hoạch tài chính và dịch vụ tư vấn dưới đây:

#### **3.1. Tư vấn phát hành Cổ phiếu:**

BMSC giúp khách hàng huy động vốn qua hình thức phát hành cổ phiếu theo từng đặc thù của mỗi doanh nghiệp và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Căn cứ vào nhu cầu, khả năng tài chính và định hướng phát triển của doanh nghiệp, BMSC sẽ đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm đạt được kết quả tối ưu. Các hình thức chào bán chứng khoán phổ biến hiện nay bao gồm: Chào bán chứng khoán riêng lẻ và



chào bán chứng khoán ra công chúng. Thông qua dịch vụ này, BMSC cũng góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm đối tác chiến lược cũng như các nhà đầu tư lớn.

### **3.2. Tư vấn niêm yết cổ phiếu**

Với những lợi ích đem lại khi tham gia niêm yết cổ phiếu trên TTCK, doanh nghiệp có thể huy động vốn một cách nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng từ việc phát hành cổ phiếu dựa trên tính thanh khoản cao và uy tín của doanh nghiệp được niêm yết trên thị trường. Huy động theo cách này, doanh nghiệp không phải thanh toán lãi vay cũng như phải trả vốn gốc giống như việc vay nợ, từ đó sẽ rất chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn huy động được cho mục tiêu và chiến lược dài hạn của mình. Đây được coi là yếu tố quan trọng nhất khi quyết định niêm yết trên TTCK.

### **3.3. Dịch vụ thị trường trái phiếu**

Trái phiếu là một công cụ tài chính đã áp dụng phổ biến ở các nước có nền kinh tế phát triển. Thị trường trái phiếu ở Việt Nam đang ở giai đoạn đầu và được sự quan tâm bởi các nhà quản trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu nhằm đáp ứng cụ thể nhu cầu về vốn đầu tư thay đổi cấu trúc vốn từ sự phụ thuộc vào các đối tác truyền thống chuyên sang kêu gọi vốn từ các nhà đầu tư công chúng. Dịch vụ trên bao gồm:

- Phát hành trái phiếu
- Niêm yết trái phiếu

Bên cạnh đó BMSC cũng tham gia mua trái phiếu, giới thiệu đối tác trong và ngoài nước mua trái phiếu cho doanh nghiệp mà BMSC tư vấn.

### **3.4. Dịch vụ tư vấn cổ phần hóa**

Cổ phần hóa doanh nghiệp là một đòn bẩy giúp doanh nghiệp thực hiện thay đổi cấu trúc vốn, tăng cường sức mạnh tài chính và thay đổi cơ chế quản lý để doanh nghiệp phát huy được thế mạnh, vượt qua thách thức và khẳng định được vị thế, uy tín của doanh nghiệp trên thương trường. Dịch vụ trên bao gồm:

#### ***Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa:***

Sau khi lập được bộ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, BMSC sẽ phối hợp cùng doanh nghiệp tiến hành trình bày kết quả xác định giá trị doanh nghiệp trước ban chỉ đạo cổ phần hóa.

#### ***Xây dựng phương án cổ phần hóa:***



Phương án cổ phần hóa thể hiện mục tiêu xây dựng một mô hình công ty hoàn toàn mới, nhằm phát huy cao nhất năng lực của công ty, tối ưu hóa lợi nhuận cho cổ đông và thực hiện thành công chiến lược phát triển dài hạn.

***Tư vấn tổ chức bán đấu giá cổ phần:***

Sau khi phương án cổ phần hóa doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, BMSC sẽ tiến hành tư vấn cho doanh nghiệp về việc tổ chức bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài.

***Tư vấn tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần***

Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp hoàn tất quá trình cổ phần hóa.

**3.5. Bảo lãnh phát hành**

Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết với tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.

Dịch vụ bảo lãnh phát hành là hoạt động cao cấp và rủi ro nhất của các công ty chứng khoán. Dịch vụ này đòi hỏi các công ty chứng khoán phải có đầy đủ chức năng thực hiện và có uy tín trên thị trường.

BMSC là công ty chứng khoán có đội ngũ chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm đã từng tham gia thực hiện bảo lãnh phát hành cho nhiều công ty niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, với năng lực tài chính vững mạnh và mạng lưới khách hàng rộng lớn trong và ngoài nước bao gồm các đối tác chiến lược, các tổ chức tài chính, các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư và các nhà đầu tư có tiềm năng. Với tất cả các ưu thế đó, BMSC hoàn toàn tin tưởng vào khả năng thành công và hiệu quả cao nhất.

Bảo lãnh phát hành gồm các dịch vụ cụ thể sau:

***3.5.1. Bảo lãnh phát hành cổ phiếu***

BMSC trợ giúp doanh nghiệp thực hiện các thủ tục trước khi chào bán cổ phiếu, tổ chức việc phân phối cổ phiếu và ký hợp đồng bảo lãnh phát hành, giúp bình ổn giá cổ phiếu trong giai đoạn đầu sau khi phát hành.

***3.5.2. Bảo lãnh phát hành trái phiếu***

BMSC trợ giúp doanh nghiệp thực hiện các thủ tục trước khi chào bán trái phiếu, tổ chức việc phân phối trái phiếu và ký hợp đồng bảo lãnh phát hành, giúp bình ổn giá trái phiếu trong giai đoạn đầu sau khi phát hành.

### **3.6. Mua bán và Sáp nhập (M&A)**

Giải pháp tài chính như mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A) là các công cụ tài chính đã được áp dụng phổ biến ở hầu khắp các nước có nền kinh tế phát triển. Ở Việt Nam, hoạt động mua bán và sáp nhập hiện nay là một giải pháp hữu hiệu đã được nhiều doanh nghiệp quan tâm thực sự.

Doanh nghiệp thực hiện M&A nhằm cơ cấu lại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển ngày càng cao của doanh nghiệp, đầu tư cho chiến lược kinh doanh mới và thay đổi cấu trúc vốn từ sự phụ thuộc vốn vào các đối tác truyền thống chuyển sang hình thức mua bán vốn, mua bán lại doanh nghiệp.

BMSC sẽ có các chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp phối hợp cùng doanh nghiệp tiến hành hoạt động trên một cách nhanh chóng và hiệu quả.

### **3.7. Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp**

Một cơ cấu tài chính hợp lý sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tối đa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp mới thành lập, BMSC sẽ tư vấn xây dựng cơ cấu tài chính tối ưu dựa trên các nguồn lực hiện có. Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động, BMSC sẽ tư vấn tái cơ cấu tài chính phù hợp nhất với hoạt động của ngành. Ngoài ra BMSC cũng tư vấn doanh nghiệp trong hoạt động quản lý tài chính theo hướng an toàn và hiệu quả.

Tùy theo đặc điểm, tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các chuyên gia tư vấn tài chính của BMSC sẽ trợ giúp doanh nghiệp cơ cấu lại tình hình tài chính và xử lý các khoản nợ xấu nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả tài chính, qua đó tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

### **3.8. Tư vấn quản trị doanh nghiệp**

Quản trị doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, BMSC đưa ra dịch vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp để doanh nghiệp lựa chọn được các cách tiếp cận tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh và hỗ trợ hiệu quả chiến lược



phát triển kinh doanh của Công ty. Xây dựng các quy định, quy chế phù hợp với luật hiện hành. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc công bố thông tin đại chúng theo quy định.

### 3.9. Hỗ trợ doanh nghiệp

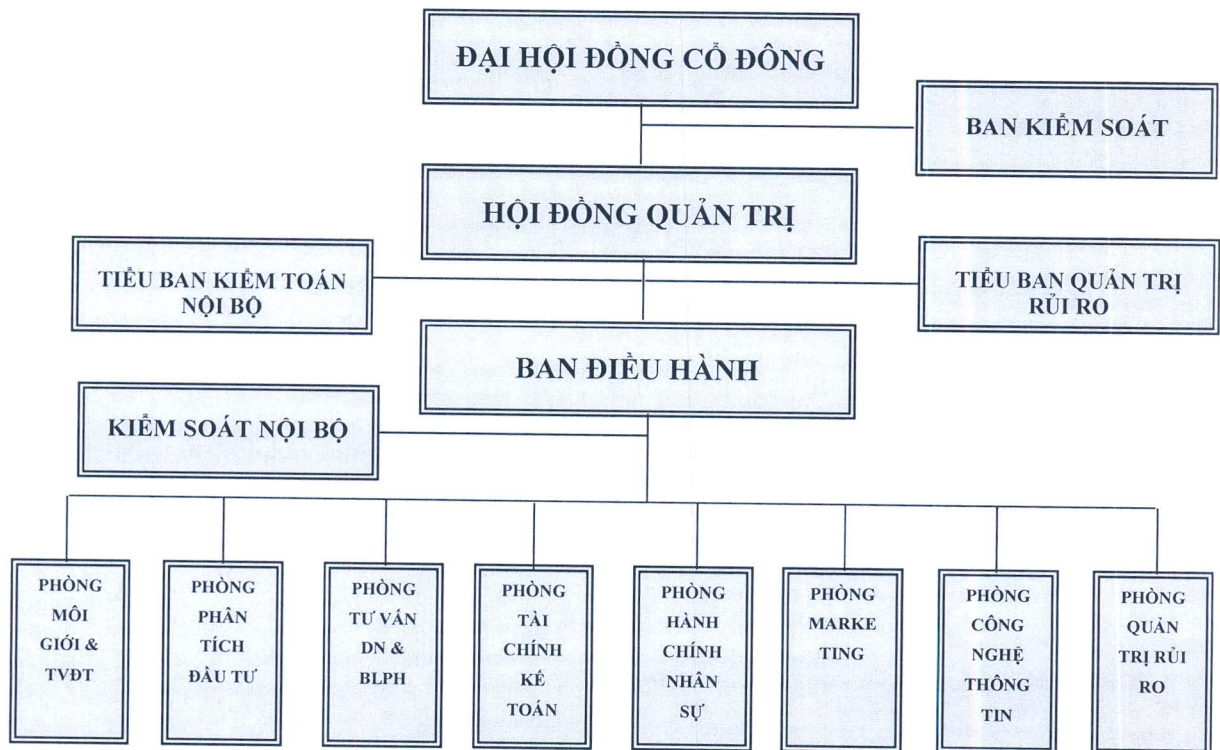
Thực tế hiện nay cho thấy không ít doanh nghiệp gặp những trở ngại, khó khăn nhất định khi tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký đại chúng và thực hiện các nghĩa vụ của công ty đại chúng. Để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc giải quyết các vướng mắc trên, BMSC đã xây dựng một quy trình đăng ký công ty đại chúng cho các doanh nghiệp, trong đó các bước thực hiện đã được chuẩn hóa theo các quy định của luật chứng khoán.

#### B. Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh có trụ sở tại:

Hội sở chính: Lầu 3, Tòa nhà PaxSky, số 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

#### 4. Cơ cấu tổ chức của Công ty:



#### 5. Định hướng phát triển:

- 1) Nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro



- ✓ Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên hoạt động của Công ty nhằm đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ.
- ✓ Công tác quản trị rủi ro được triển khai tới tất cả các nghiệp vụ, tạo sự vững chắc trong hoạt động kinh doanh của từng bộ phận trong công ty và tổng thể Công ty.

## 2) Bảo toàn nguồn vốn

- ✓ Định hướng trên được ĐHCĐ các năm đều xác định bởi trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, hành lang pháp lý của ngành chưa chặt chẽ thì việc bảo toàn vốn luôn cần được đề cao.

## 3) Kiện toàn bộ máy nhân sự:

- ✓ Công ty từng bước xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn, kinh nghiệm, nhiệt huyết đồng hành cùng công ty trong mọi hoạt động.
- ✓ Đầu tư nâng cao kiến thức chuyên môn định kỳ cho nhân sự chủ chốt.
- ✓ Thực hiện các chính sách đãi ngộ xứng đáng cho nhân viên.

## 6. Các rủi ro:

Trong quá trình hoạt động, BMSC cũng như các công ty chứng khoán khác đều có thể vấp phải những rủi ro nêu như dưới đây. Điều quan trọng là BMSC đã định hướng để xây dựng bộ phận Quản trị rủi ro để quản lý tốt những rủi ro đó.

### 6.1. Rủi ro hoạt động hay còn gọi là rủi ro tác nghiệp, rủi ro vận hành

Rủi ro này xuất phát từ các nhân tố như đội ngũ nhân viên, hệ thống công nghệ của công ty, các tác động khách quan khác. Trong đó có một số trường hợp như nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng hay của công ty để rút tiền, đặt nhằm lệnh, tự doanh dùng tiền của công ty mua chứng khoán bên ngoài và bán lại cho công ty để ăn chênh lệch...

**Rủi ro tín dụng** là rủi ro mà BMSC có khả năng không thu được nợ hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Rủi ro này nảy sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ ký quỹ (margin) cho khách hàng, nhiều công ty đã phải chấp nhận khoản lỗ lớn vì nắm giữ một lượng lớn cổ phiếu thị giá thấp hơn giá gốc khi khách hàng chối bỏ trách nhiệm nộp thêm tiền vào tài khoản. Mặc dù giao dịch ký quỹ là một công cụ tốt để cạnh tranh và hỗ trợ cho cuộc chạy đua giành thị phần nhưng cần quản trị rủi ro này tốt để đảm bảo tránh được khoản lỗ lớn.

**Tiếp theo là rủi ro thanh toán**, đó là việc BMSC bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày.

chứng khoán.

Khi thanh khoản biến động bất thường và đột ngột thì rủi ro cho BMSC là rất lớn với nghiệp vụ tự doanh, cho vay ký quỹ hay trong tương lai là các hoạt động vay mượn chứng khoán và sản phẩm quyền chọn.

**Rủi ro thị trường** là rủi ro do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường như sự thay đổi giá cả hàng hóa, sự biến động của lãi suất, sự không ổn định của tỷ giá, chính sách...

Đây là rủi ro không thể loại bỏ được, BMSC cần phải có đội ngũ nhận định, phân tích, dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả. Thông thường các nhà đầu tư trên thế giới áp dụng phương án đa dạng hóa danh mục và vận dụng các sản phẩm phái sinh.

**Rủi ro cuối cùng được kể tên là rủi ro tuân thủ.** Rủi ro này tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên TTCK.

## I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty đã chịu tác động không nhỏ của tình hình kinh tế trong và ngoài nước.

Năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh của BMSC được thể hiện:

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2015	KẾ HOẠCH 2015	
			Kế hoạch	Tỉ lệ %
1	Tổng doanh thu	21.921.168.459	19.368.045.602	113%
2	Tổng chi phí	9.633.591.108	9.774.334.463	99%
3	Lợi nhuận trước thuế	12.288.609.649	9.593.711.139	128%
4	Thuế TNDN phải nộp	2.462.399.023	2.110.616.451	117%
5	Lợi nhuận sau thuế	9.826.210.626	7.483.094.689	131%

Hoạt động đầu tư của Công ty vẫn tập trung chủ yếu vào việc đầu tư tiền gửi. Việc đầu tư tự doanh cổ phiếu có tính rủi ro lớn, trong khi Công ty đang xây dựng



đội ngũ cán bộ đầu tư dày dặn kinh nghiệm nên chưa tập trung mạnh vào mảng tự doanh.

## **2. Tổ chức và nhân sự:**

### **2.1. Ban điều hành:**

**Ông Nguyễn Minh Cường**

*Chức danh đảm nhiệm: Tổng Giám đốc*

*Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - tài chính – ngân hàng*

### **2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có**

### **2.3. Số lượng cán bộ nhân viên:**

Tính đến hết ngày 31/12/2015, số lượng cán bộ nhân viên làm việc tại BMSC là 18 người, trong đó có 5 cán bộ quản lý và 13 nhân viên.

<b>Trình độ học vấn</b>	<b>Số lượng</b>
Sau đại học	0
Cao đẳng, đại học	18
Phổ thông	0
Tổng cộng	18

### **Tiền lương**

BMSC đã xây dựng quy chế tiền lương đảm bảo cho người lao động có thu nhập tương xứng với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật. Việc tăng lương cũng được công ty thực hiện theo đúng quy định của quy chế lương dựa trên mức độ đóng góp, năng lực thực tế của từng CBNV.

### **Chính sách đào tạo:**

Công tác đào tạo luôn được BMSC chú trọng hàng đầu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên. Bên cạnh các khóa đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu về chứng chỉ hành nghề của UBCKNN, BMSC còn tổ chức các lớp rèn kỹ năng cho CBNV.

### **Khen thưởng:**

Nhằm khuyến khích các cán bộ nhân viên hoạt động tích cực và nâng cao hiệu quả công việc, BMSC có chính sách khen thưởng định kỳ, đột xuất cho các tập thể và cá nhân đạt được thành tích nổi bật, đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

### **Phúc lợi:**

Chính sách phúc lợi của Công ty thể hiện ở việc khám sức khỏe định kỳ, chế độ trong các dịp lễ tết, đi nghỉ mát hàng năm và các chế độ đãi ngộ xứng đáng khác.



**Công đoàn:**

Hoạt động công đoàn ở BMSC luôn sôi nổi và nhiệt tình, các hoạt động thể thao được công đoàn tài trợ kinh phí như đá bóng, cầu lông, khiêu vũ...nhằm nâng cao hoạt động thể chất của nhân viên. Bên cạnh đó, công đoàn BMSC còn chăm lo sức khỏe đời sống cho CBNV bằng các hình thức thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, tổ chức sinh nhật, thưởng nhân các dịp lễ tết...

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**3.1. Các khoản đầu tư lớn:** không có

**3.2. Các công ty con, công ty liên kết:** không có

**4. Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng tài sản	329.812.940.119	326.013.612.357	98,85%
Doanh thu thuần	25.341.600.403	21.921.168.459	86,50%
Lợi nhuận từ HĐKD	17.493.402.978	12.288.609.649	70,25%
Lợi nhuận khác	492.155.808	1.032.298	0,21%
Lợi nhuận trước thuế	17.985.558.786	12.289.641.947	68,33%
Lợi nhuận sau thuế	14.202.645.581	9.826.210.626	69,19%
Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	453	301	66,45%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****5.1. Cổ phần**

- Tổng số cổ phần của công ty là: 30.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 30.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 0 cổ phần

**5.2. Cơ cấu cổ đông (phân theo tiêu chí sở hữu)**

- Cổ đông lớn: 75 %; cổ đông nhỏ: 25%
- Cổ đông tổ chức: 75%; cổ đông cá nhân: 25 %

- Cổ đông trong nước: 100%, cổ đông nước ngoài: 0%
- Cổ đông nhà nước: 0%; cổ đông khác: 100%

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2015, hoạt động kinh doanh của BMSC gặp khá nhiều khó khăn như tình hình nợ xấu tại công ty thời điểm đầu năm là rất cao, tình hình thị trường chứng khoán cũng chưa khởi sắc. Tuy nhiên với sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT và sự cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn của tập thể CBNV BMSC đã giúp công ty vượt qua khó khăn, hoạt động kinh doanh ổn định và thu hồi được phần lớn nợ xấu... cụ thể kết quả HĐKD của BMSC từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 như sau :

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2015	KẾ HOẠCH 2015	
			Kế hoạch	Tỉ lệ %
1	Tổng doanh thu	21.921.168.459	19.368.045.602	113%
2	Tổng chi phí	9.633.591.108	9.774.334.463	99%
3	Lợi nhuận trước thuế	12.288.609.649	9.593.711.139	128%
4	Thuế TNDN phải nộp	2.462.399.023	2.110.616.451	117%
5	Lợi nhuận sau thuế	9.826.210.626	7.483.094.689	131%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	4,10%	2,65%	155%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	3,28%	2,49%	131%

#### Đánh giá chung về kết quả kinh doanh năm 2015

- Kết thúc năm 2015: Tổng tài sản đạt 326 tỉ đồng, giảm hơn 3 tỉ đồng so với 31/12/2014 (329,8 tỉ đồng); lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 9.8 tỉ đồng đạt 159% so với kế hoạch Đại Hội Đồng Cổ Đông giao.
- Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý: năm 2015 chi phí của BMSC là 9.6 tỉ đồng đạt 99% kế hoạch được giao. Tốc độ doanh thu tăng so với kế hoạch



còn chi phí giảm đã cho thấy việc quản lý chi phí hiệu quả và kết quả kinh doanh đạt được trong năm là khả quan.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện là 3.28% bằng 131% kế hoạch năm 2015
- Năm 2015 nhờ thực hiện chính sách thận trọng trong hoạt động kinh doanh cũng như định hướng của HĐQT và ĐHĐCĐ nên Công ty không đầu tư vào mảng tự doanh bởi theo nhận định thị trường chứng khoán biến động bất ổn, việc đầu tư tự doanh mang tính rủi ro cao, dễ gây thất thoát nguồn vốn.
- Chính sách chung của Hội đồng quản trị cùng ban lãnh đạo là củng cố lại hệ thống, bảo toàn vốn và tuân thủ pháp luật nên hoạt động môi giới trong năm 2015 không tăng do công ty thực hiện chính sách thận trọng, rà soát lại hoạt động môi giới, đảm bảo an toàn vốn.
- Hoạt động đầu tư của BMSC chủ yếu là lãi tiền gửi, bên cạnh đó là tối ưu hóa lợi thế tiền mặt đang có để hỗ trợ cho nghiệp vụ môi giới và thu lợi từ việc tận dụng nguồn tiền gửi hợp lý.
- Tính đến hết năm 2015 BMSC đã thu hồi được phần lớn nợ xấu, số nợ còn lại BMSC cũng đang tính cực thực hiện thu hồi.
- Năm 2015 BMSC đã thực hiện tạm ứng cổ tức 4% bằng tiền mặt cho các cổ đông.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Bám sát các quy định về trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT và chương trình công tác đã được phê duyệt từ đầu năm, tất cả các thành viên HĐQT đã nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả đạt được đã thể hiện rõ trong việc chỉ đạo toàn bộ hệ thống của Công ty Chứng khoán Bảo Minh thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao. Trong năm 2015, HĐQT đã họp 5 phiên định kỳ. Các cuộc họp đều hội tụ đủ các điều kiện tiến hành, tất cả các thành viên đương nhiệm tham dự đầy đủ, mỗi cuộc họp đều ghi biên bản cụ thể và sau khi họp đều ra nghị quyết những nội dung cần thiết.

Năm 2015, kinh tế toàn cầu vẫn trong xu thế phụ hồi yếu và không ổn định. Tốc độ tăng trưởng chung của thế giới đang chậm lại, bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2015 tuy có dấu hiệu phục hồi nhưng nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi giai đoạn trì trệ.

Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đã có một năm tăng trưởng khả quan hơn năm 2014. Tuy nhiên, hoạt động tái cấu trúc thị trường vẫn diễn ra mạnh mẽ, rất nhiều công ty chứng khoán bị rút nghiệp vụ, dừng hoạt động, thậm chí chấm dứt hoạt động. Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo, công ty đã thực hiện những giải pháp quyết liệt trong điều hành kinh doanh ngay từ đầu năm. Các chỉ tiêu về



quy mô và chất lượng hoạt động năm 2015 cũng đạt được một số điểm đáng ghi nhận, đảo bảo định hướng xuyên suốt “phát triển ổn định và bảo toàn nguồn vốn”

Cụ thể, năm 2015 HĐQT BMSC đã định hướng Ban Điều hành triển khai một số nội dung như:

- Kiện toàn bộ máy nhân sự lãnh đạo.
- Nâng cao năng lực quản trị, đẩy mạnh công tác nhân sự trong hoạt động quản lý
- Xây dựng hình ảnh của BMSC trên thị trường chứng khoán
- Quản trị rủi ro trong tình hình thị trường chứng khoán có nhiều biến động.
- Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ đảm bảo làm việc nghiêm túc; thường xuyên đánh giá theo kết quả và hiệu quả công việc;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và quy trình nghiệp vụ và bài bản, đầy đủ, đúng quy định.
- Tập chung thu hồi công nợ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu nhiều tác động không nhỏ của tình hình kinh tế trong và ngoài nước, Năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh của BMSC được thể hiện:

- |  |                  |
|--|------------------|
| - Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán : | 21.921.168.459 đ |
| - Chi phí hoạt động kinh doanh :               | 2.350.095.105 đ  |
| - Chi phí quản lý :                            | 7.283.496.003 đ  |
| - Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN :              | 9.826.210.626 đ  |

Hoạt động đầu tư của Công ty vẫn tập trung chủ yếu vào việc đầu tư tiền gửi. Việc đầu tư tự doanh cổ phiếu có tính rủi ro lớn, trong khi Công ty đang xây dựng đội ngũ cán bộ đầu tư dày dặn kinh nghiệm nên chưa tập trung mạnh vào mảng tự doanh.

Những kết quả này còn dừng lại ở mức khiêm tốn, nhưng là nền tảng rất quan trọng để BMSC phát triển những giai đoạn tiếp theo, giai đoạn nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.

### **KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trong năm 2015, với các hình thức kiểm tra, giám sát trực tiếp và gián tiếp việc thực hiện các nghị quyết HĐQT và Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoạt động của Ban Tổng giám đốc đã đạt được những kết quả như sau:

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng giám đốc đã tự chủ động trong việc xây dựng và đề xuất những vấn đề trọng yếu của Công ty lên Hội đồng quản trị.

- Sát sao trong hoạt động thu hồi công nợ, chấn chỉnh hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

## **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2016**

Triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2016 được đánh giá là khả quan cùng với sự phục hồi và ổn định của kinh tế vĩ mô. Tuy rủi ro vẫn còn nhưng các yếu tố hỗ trợ thị trường chứng khoán đang mạnh hơn. So với các kênh đầu tư truyền thống như tiền gửi, vàng, ngoại tệ và bất động sản thì chứng khoán vẫn là kênh được nhà đầu tư quan tâm hơn cả. Trong môi trường cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán, năm 2016 HĐQT Công ty sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản lý giám sát hoạt động kinh doanh của công ty theo các định hướng cụ thể sau:

- Chỉ đạo hoạt động kinh doanh của công ty hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn bằng việc tập trung vào hoạt động đầu tư.
- Hoàn thành dự án quản trị rủi ro doanh nghiệp để tăng cường hỗ trợ cho quản trị điều hành toàn công ty.
- Tập chung công tác thu hồi công nợ.
- Cơ cấu lại các hoạt động nghiệp vụ.
- Kiện toàn bộ máy nhân sự để đảm bảo các mục tiêu nêu trên.

## **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

- Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam) thực hiện kiểm toán và xác nhận: *Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.*

### **1. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

**Mẫu số B 01 – CTCK**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>301.616.957.861</b>	<b>138.094.247.461</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>2.527.817.932</b>	<b>8.261.727.691</b>
111	Tiền		2.527.817.932	8.261.727.691
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	<b>282.755.142.259</b>	<b>119.089.108.739</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		287.506.073.539	124.608.503.539
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.750.931.280)	(5.519.394.800)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>15.100.758.064</b>	<b>10.512.308.577</b>
131	Phải thu của khách hàng		10.000.000	10.000.000
132	Ứng trước cho người bán		101.986.000	50.000.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		322.255	116.133
138	Các khoản phải thu khác	6	29.917.837.542	22.881.580.177
139	Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(14.929.387.733)	(12.429.387.733)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.233.239.606</b>	<b>231.102.454</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	89.456.679	230.702.454
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	1.143.382.927	-
158	Tài sản ngắn hạn khác		400.000	400.000
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>24.396.654.496</b>	<b>191.718.692.658</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>951.550.754</b>	<b>2.037.927.101</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	321.144.006	488.392.478
222	Nguyên giá		6.080.101.143	6.497.860.297
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.758.957.137)	(6.009.467.819)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	630.406.748	1.549.534.623
228	Nguyên giá		6.402.555.040	6.347.055.040
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.772.148.292)	(4.797.520.417)
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	5	<b>22.000.000.000</b>	<b>187.000.000.000</b>
258	Đầu tư dài hạn khác		22.000.000.000	187.000.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.445.103.742</b>	<b>2.680.765.557</b>
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	27.032.680	1.330.620.979
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.267.532.562	1.199.606.078
268	Tài sản dài hạn khác		150.538.500	150.538.500
<b>I.</b>	<b>III.</b>			
<b>II. 27</b>	<b>IV. TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>326.013.612.357</b>	<b>329.812.940.119</b>
<b>0</b>				



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.087.270.760</b>	<b>8.823.212.300</b>
	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>8.087.270.760</b>	<b>8.823.212.300</b>
312	Phải trả người bán		8.745.754	8.745.754
313	Người mua trả tiền trước		30.000.000	30.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	39.015.381	499.292.278
315	Phải trả người lao động		261.477.507	54.000.000
316	Chi phí phải trả		50.991.256	52.189.153
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	4.612.523.649	3.718.056.881
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	1.683.731.819	3.284.805.326
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	16	1.202.240.680	1.121.115.040
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	198.544.714	55.007.868
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>317.926.341.597</b>	<b>320.989.727.819</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>317.926.341.597</b>	<b>320.989.727.819</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	300.000.000.000	300.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5.359.769.722	4.868.459.192
418	Quỹ dự phòng tài chính		5.359.769.722	4.868.459.192
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		153.609.293	257.109.293
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.053.192.860	10.995.700.142
440			—	329.812.940.119
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>326.013.612.357</b>	<b>329.812.940.119</b>
			=	

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>196.355.850.000</b>	<b>299.269.020.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	105.409.380.000	103.043.760.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	16.255.990.000	15.779.800.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	89.153.390.000	87.263.960.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	90.829.100.000	95.031.060.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	90.829.100.000	95.031.060.000
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	-	101.150.000.000
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	101.150.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	117.000.000	44.200.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	117.000.000	44.200.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	370.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	370.000	-
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>21.300.920.000</b>	<b>21.548.260.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	20.826.440.000	20.378.770.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	970.000	920.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	20.825.470.000	20.377.850.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	474.480.000	1.169.490.000
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	3.190.000	2.690.000
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	471.290.000	1.166.800.000

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ



<b>01</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>21.921.168.459</b>	<b>25.341.600.403</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		83.386.099	354.518.542
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	19	1.108.174.400	3.703.458.508
1.5	Doanh thu hoạt động ủy thác		-	81.818.182
1.9	Doanh thu khác	20	20.729.607.960	21.201.805.171
<b>02</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>21.921.168.459</b>	<b>25.341.600.403</b>
<b>11</b>	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	21	<b>(2.350.095.105)</b>	<b>(7.434.594.973)</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>19.571.073.354</b>	<b>17.907.005.430</b>
<b>25</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	22	<b>(7.283.496.003)</b>	<b>(413.602.452)</b>
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>12.287.577.351</b>	<b>17.493.402.978</b>
31	Thu nhập khác		1.032.298	603.609.657
32	Chi phí khác		-	(111.453.849)
<b>40</b>	<b>Thu nhập khác – thuần</b>		<b>1.032.298</b>	<b>492.155.808</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>12.288.609.649</b>	<b>17.985.558.786</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	23	<b>(1.158.810.724)</b>	<b>(2.303.208.288)</b>
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	23	<b>(1.303.588.299)</b>	<b>(1.479.704.917)</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>9.826.210.626</b>	<b>14.202.645.581</b>
<b>70</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	24	<b>301</b>	<b>453</b>
<b>71</b>	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	24	<b>301</b>	<b>453</b>

Mẫu số B 03 – CTCK

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>12.288.609.649</b>	<b>17.985.558.786</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định	1.141.876.347	1.385.209.219
03	Các khoản dự phòng	1.731.536.480	(1.170.953.925)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(19.457.352.643)	(21.196.903.012)
<b>08</b>	<b>Lỗ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(4.295.330.167)</b>	<b>(2.997.088.932)</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác	5.188.758.748	(94.008.009.491)
11	Giảm các khoản phải trả	(12.504.748.918)	(4.046.297.022)

12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước		141.245.775	(1.033.231)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.732.737.893)	(657.773.026)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		10.395.213.282	(846.931.952)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(3.807.599.173)</b>	<b>(102.557.133.654)</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(55.500.000)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		-	603.609.657
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	82.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.443.922.414	29.396.172.848
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>8.388.422.414</b>	<b>111.999.782.505</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.314.733.000)	(10.136.122.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(10.314.733.000)</b>	<b>(10.136.122.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(5.733.909.759)</b>	<b>(693.473.149)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3</b>	<b>8.261.727.691</b>	<b>8.955.200.840</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>2.527.817.932</b>	<b>8.261.727.691</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	300.000.000.000	4.158.326.913	4.158.326.913	330.709.293	7.817.424.942	316.464.788.061
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	14.202.645.581	14.202.645.581
- Trích lập quỹ trong năm (*)	-	710.132.279	710.132.279	-	(1.420.264.558)	-
- Sử dụng quỹ trong năm (**)	-	-	-	(73.600.000)	-	(73.600.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	-	-	-	(604.105.823)	(604.105.823)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>4.868.459.192</b>	<b>4.868.459.192</b>	<b>257.109.293</b>	<b>10.995.700.142</b>	<b>320.989.727.819</b>
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	9.826.210.626	9.826.210.626
- Trích lập quỹ trong năm (*)	-	491.310.530	491.310.530	-	(982.621.060)	-
- Sử dụng quỹ trong năm (**)	-	-	-	(103.500.000)	-	(103.500.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	-	-	-	(786.096.848)	(786.096.848)
- Tạm ứng cổ tức (***)	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>5.359.769.722</b>	<b>5.359.769.722</b>	<b>153.609.293</b>	<b>7.053.192.860</b>	<b>317.926.341.597</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

- (\*) Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải trích lập các quỹ sau:
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
  - Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- (\*\*) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập cho việc khen thưởng khách hàng có lượng giao dịch lớn trong năm (“Quỹ thưởng khách hàng”). Mức trích lập hàng năm của Quỹ thưởng khách hàng được phê duyệt bởi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.
- (\*\*\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 14 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ứng trước cô tức năm 2015 bằng tiền tương đương 4% vốn điều lệ hiện có của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp.

Ngày 8 tháng 12 năm 2012, Công ty đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước phê duyệt để thực hiện giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn Thông tư 74/2011/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2011.

Ngày 7 tháng 6 năm 2013, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp, phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC – UBCK do UBCKNN cấp, thay đổi địa điểm trụ sở chính.

Trong tháng 1 năm 2014, Công ty đã nộp hồ sơ đóng cửa chi nhánh Hà Nội và được UBCKNN chấp thuận theo Quyết định số 203/QĐ – UBCK ngày 9 tháng 3 năm 2014.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp, phê duyệt thay đổi người đại diện theo pháp luật.



Hoạt động chính của Công ty là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký; tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 21 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 20 nhân viên).

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**Mẫu số B 09 – CTCK**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng**

Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các thay đổi của Thông tư 200 theo Điều 127 của Thông tư 200 như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.4

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán.

Mặt khác, theo Thông tư 200 các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu – Thuyết minh 24

Theo Quyết định 15, Công ty phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Tuy nhiên, theo Thông tư 200 lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách dùng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tử số) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được tính toán lại để phù hợp với cách tính toán của năm nay theo Thông tư 200. Chi tiết về việc tính toán lại được trình bày tại Thuyết minh 24.

### **2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Mẫu số B 09 – CTCK**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh.

#### **2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (bao gồm cả tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán), tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.



## **2.7 Các khoản đầu tư tài chính**

### *Đầu tư tài chính ngắn hạn*

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ thu hồi trong vòng 12 tháng hoặc có thời hạn thu hồi ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### *Đầu tư tài chính dài hạn*

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ thu hồi sau hơn 12 tháng hoặc có thời hạn thu hồi sau hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

**Mẫu số B 09 – CTCK**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.7 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

#### *Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)*

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị hoặc trong trường hợp Công ty không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

### **2.8 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ cung cấp dịch vụ, phải thu từ mua bán các khoản đầu tư, phải thu từ giao dịch ứng trước và giao dịch ký quỹ cho nhà đầu tư, dự thu tiền lãi và thu nhập cổ tức và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc/hợp đồng gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### **2.9 Tài sản cố định**

#### *Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.



### *Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>33,3%</b>
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	14,3% - 33,3%
Phần mềm vi tính	20% - 33,3%

### Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2.10 Chi phí đi vay**

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Mẫu số B 09 – CTCK**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.11 Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

#### *Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư được xác lập.

#### *Doanh thu về vốn kinh doanh*

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi

nhận theo phương pháp trích trước. Thu nhập lãi của các khoản tạm ứng quá hạn không được trích trước mà được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

## **2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động chứng khoán tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

**Mẫu số B 09 – CTCK**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

#### **2.13 Chia cổ tức**

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

#### **2.14 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của



các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

Mẫu số B 09 – CTCK

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

### 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 2.16 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

#### 2.17 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

### 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	885.153	22.537.109
Tiền gửi ngân hàng	2.526.932.779	8.239.190.582
Trong đó:		
<i>Tiền của Công ty</i>	843.200.960	4.963.435.256
<i>Tiền của nhà đầu tư (Thuyết minh 15)</i>	1.683.731.819	3.275.755.326



—	—
<b>2.527.817.932</b>	<b>8.261.727.691</b>
=	=

**4 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ</b>
Các giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn giao dịch:		
a) Của Công ty	175.000	1.872.500.000
b) Của nhà đầu tư	2.992.194	41.163.847.000
	<b>—————</b>	<b>—————</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Giá trị theo		So với giá trị trường		Giá trị trường	Dự phòng
	số sách kế toán	VND	Tăng	Giảm		
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>						
<b>(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>287.506.073.539</b>	<b>21.906.080.741</b>	<b>(4.750.931.280)</b>	<b>304.661.223.000</b>	<b>(4.750.931.280)</b>	
- Chứng khoán vốn niêm yết	11.444.310.139	21.906.080.741	(4.615.767.880)	28.734.623.000	(4.615.767.880)	
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	1.561.763.400	-	(135.163.400)	1.426.600.000	(135.163.400)	
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	274.500.000.000	-	-	274.500.000.000	-	
<b>(b) Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>-</b>	
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000	-	
	<b>309.506.073.539</b>	<b>21.906.080.741</b>	<b>(4.750.931.280)</b>	<b>326.661.223.000</b>	<b>(4.750.931.280)</b>	
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>						
<b>(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>124.608.503.539</b>	<b>11.015.691.638</b>	<b>(5.519.394.800)</b>	<b>130.104.800.377</b>	<b>(5.519.394.800)</b>	
- Chứng khoán vốn niêm yết	11.448.199.539	11.015.691.638	(3.999.090.795)	18.464.800.382	(3.999.090.795)	
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	4.160.304.000	-	(1.520.304.005)	2.639.999.995	(1.520.304.005)	
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	109.000.000.000	-	-	109.000.000.000	-	
<b>(b) Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>187.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>187.000.000.000</b>	<b>-</b>	
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	187.000.000.000	-	-	187.000.000.000	-	
	<b>311.608.503.539</b>	<b>11.015.691.638</b>	<b>(5.519.394.800)</b>	<b>317.104.800.377</b>	<b>(5.519.394.800)</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- (i) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại các sở giao dịch chứng khoán.
- (ii) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông cung cấp.
- (iii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước và được ghi nhận theo giá gốc.

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31.12.2015</b>	<b>31.12.2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	11.287.735.088	11.287.735.088
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	14.978.963.089	2.857.358.460
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	3.641.652.645	8.726.999.909
Các khoản phải thu khác	9.486.720	9.486.720
	<b>29.917.837.542</b>	<b>22.881.580.177</b>
		=



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**7 DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Tại ngày 31.12.2015		Tại ngày 31.12.2014	
	Giá trị nợ phải thu khó đòi VND	Mức trích lập dự phòng VND	Giá trị nợ phải thu khó đòi VND	Mức trích lập dự phòng VND
Tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	11.287.735.088	11.287.735.088	11.287.735.088	8.787.735.088
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	3.641.652.645	3.641.652.645	8.726.999.909	3.641.652.645
		<u>14.929.387.733</u>		<u>12.429.387.733</u>

Tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư và phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết do Công ty nắm giữ.

Mức trích lập dự phòng được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của nợ phải thu khó đòi và giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**7 DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Số dư đầu năm	12.429.387.733	18.418.076.162
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 22)	2.500.000.000	(5.988.688.429)
Số dư cuối năm	<b>14.929.387.733</b>	<b>12.429.387.733</b>
		=

**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Số dư đầu năm	230.702.454	224.895.056
Tăng trong năm	1.089.965.787	1.740.817.373
Phân bổ trong năm	(1.231.211.562)	(1.735.009.975)
Số cuối năm	<b>89.456.679</b>	<b>230.702.454</b>

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu liên quan đến chi phí bảo trì phần mềm giao dịch chứng khoán hàng năm của Công ty.

**9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước là tiền thuế Thu nhập Doanh nghiệp nộp thừa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị quản lý II. VNĐ	I. Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	1.046.180.890	5.451.679.407	<b>6.497.860.297</b>
Xoá sổ	(105.424.484)	(312.334.670)	<b>(417.759.154)</b>
	<b>940.756.406</b>	<b>5.139.344.737</b>	<b>6.080.101.143</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	718.815.685	5.290.652.134	<b>6.009.467.819</b>
Khấu hao trong năm	124.863.272	42.385.200	<b>167.248.472</b>
Xoá sổ	(105.424.484)	(312.334.670)	<b>(417.759.154)</b>
	<b>738.254.473</b>	<b>5.020.702.664</b>	<b>5.758.957.137</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	<b>327.365.205</b>	<b>161.027.273</b>	<b>488.392.478</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<b>202.501.933</b>	<b>118.642.073</b>	<b>321.144.006</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 5.231.577.867 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.822.279.521 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phân mềm vi tính VNĐ</b>
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	6.347.055.040
Mua thêm trong năm	55.500.000
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<b>6.402.555.040</b>
	<hr/>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.797.520.417
Khấu hao trong năm	974.627.875
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<b>5.772.148.292</b>
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	<b>1.549.534.623</b>
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	<b>630.406.748</b>
	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.859.731.205 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.807.731.205 đồng).

**11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	<b>31.12.2015 VNĐ</b>	<b>31.12.2014 VNĐ</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	27.032.680	1.330.620.979
	<hr/>	<hr/> <hr/>

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được ghi nhận như sau:

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2015 VNĐ</b>	<b>31.12.2014 VNĐ</b>
Số dư đầu năm	1.330.620.979	2.810.325.896
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 23)	(1.303.588.299)	(1.479.704.917)

Số dư cuối năm

**27.032.680**

**1.330.620.979**

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 7).

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**12 QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	1.199.606.078	954.270.626
Tiền nộp bổ sung	135.852.968	348.151.942
Tiền lãi phát sinh	(67.926.484)	(102.816.490)
Số dư cuối năm	<b>1.267.532.562</b>	<b>1.199.606.078</b>

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân	39.015.381	68.748.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	430.544.242
	<b>39.015.381</b>	<b>499.292.278</b>

**14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ

Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 25(b))	4.535.997.000	2.850.730.000
Kinh phí công đoàn	27.598.649	32.440.758
Phải trả khác	48.928.000	834.886.123
	<b>4.612.523.649</b>	<b>—</b>
		<b>3.718.056.881</b>

=

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**15 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi của khách hàng tại Công ty (*) (Thuyết minh 3)	1.683.731.819	3.275.755.326
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán cho hoạt động thanh toán bù trừ	-	9.050.000
Số cuối năm	<b>1.683.731.819</b>	<b>3.284.805.326</b>

(\*) Khoản tiền này thể hiện tiền gửi của khách hàng tại Công ty cho mục đích giao dịch chứng khoán.

**16 PHẢI TRẢ HỘ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu chủ yếu là khoản phải trả hộ cổ tức cho các cổ đông của Công ty mẹ (Thuyết minh 25(b)).

**17 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	<u>Năm tài chính kết thúc ngày</u>	
	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Số đầu năm	55.007.868	156.212.045
Trích lập quỹ trong năm	786.096.848	604.105.823
Sử dụng quỹ trong năm	(642.560.002)	(705.310.000)



Số cuối năm

**198.544.714****55.007.868**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ 4% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và một mức cố định hàng năm cho thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên, thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

**Mẫu số B 09 – CTCK**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

### **18 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam (ba trăm tỷ đồng Việt Nam), tương đương 30.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	<b>Vốn điều lệ</b>		<b>Vốn góp VNĐ</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>%</b>	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	210.058.000.000	70	210.058.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	15.000.000.000	5	15.000.000.000
Các cổ đông khác	74.942.000.000	25	74.942.000.000
	<b>300.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>300.000.000.000</b>

### **19 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN**

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2015 VNĐ</b>	<b>31.12.2014 VNĐ</b>
Thu nhập cổ tức	1.108.174.400	790.498.761
Thu nhập lãi trái phiếu	-	2.908.921.411
Lãi từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	-	4.038.336

1.108.174.400	3.703.458.508
---------------	---------------

**20 DOANH THU KHÁC**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	19.457.352.643	18.393.503.102
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	1.203.161.833	2.694.621.579
Doanh thu khác	69.093.484	113.680.490
	<b>20.729.607.960</b>	<b>21.201.805.171</b>

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**21 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015	31.12.2014
	VNĐ	VNĐ
Chi phí khấu hao tài sản cố định	921.502.875	959.808.879
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	730.000.000	-
Chi phí nhân viên	709.419.890	735.122.222
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	433.849.176	472.937.997
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	177.846.761	239.015.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.939.923	209.976.150
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(768.463.520)	4.817.734.504
	<b>2.350.095.105</b>	<b>-</b>
		<b>7.434.594.973</b>

**22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi (Thuyết minh 7)	2.500.000.000	(5.988.688.429)
Chi phí nhân viên quản lý	2.217.023.287	2.609.347.584
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.740.945.244	2.485.124.057
Chi phí thuê văn phòng	602.154.000	824.931.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.373.472	464.779.444
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.050.000
Chi phí bằng tiền khác	-	14.057.931
	-	<b>413.602.452</b>
	<b>7.283.496.003</b>	
	=	=

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**23 THUẾ**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
Lợi nhuận kê toán trước thuế	12.288.609.649	17.985.558.786
Thuế tính ở thuế suất 22%: Điều chỉnh:	2.703.494.123	3.956.822.932
Thu nhập không chịu thuế	(243.798.368)	(173.909.727)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất (*)	2.703.268	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>2.462.399.023</b>	<b>3.782.913.205</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	1.158.810.724	2.303.208.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 11)	1.303.588.299	1.479.704.917
	<b>2.462.399.023</b>	<b>3.782.913.205</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.



Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(\*) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 22% xuống 20% từ năm tính thuế 2016 theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

**Mẫu số B 09 – CTCK**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

### 24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

#### (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015	31.12.2014
		Tính toán lại (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	9.826.210.626	14.202.645.581
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ)	(786.096.848)	(604.105.823)
	9.040.113.778	13.598.539.758
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<b>301</b>	<b>453</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 đã được tính lại theo Thông tư 200 cho mục đích so sánh như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh theo Thông tư 200 VNĐ	Số liệu tính lại VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	14.202.645.581	(604.105.823)	13.598.539.758
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000		30.000.000

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)

473

453

(b) **Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Mẫu số B 09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**25 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (“Công ty mẹ”) do sở hữu 70% vốn góp của Công ty.

(a) **Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
<i>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</i>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Doanh thu từ phí môi giới kinh doanh chứng khoán	49.609.435	81.799.484
Doanh thu từ bán tài sản cố định	-	82.806.959
	<u>49.609.435</u>	<u>164.606.443</u>
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
<b>Công ty mẹ</b>		
Phí thuê văn phòng		30.000.000
		<u>30.000.000</u>
<i>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	575.928.254	234.172.513
	<u>575.928.254</u>	<u>234.172.513</u>
		=





Dưới 1 năm	393.072.750	602.154.000
Từ 2 năm đến 5 năm	-	401.436.000
	<hr/>	<hr/>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>393.072.750</u>	<u>1.003.590.000</u>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

*Tp. HCM, ngày 21/03/2016*

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA  
CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Minh Cường*